

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oo-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(Về việc thiết kế phần mềm Giao dịch Nguồn vốn)

Số: 2018/VK/OCB-001

Căn cứ:

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự 2015
- Căn cứ vào Luật Thương mại 2005
- Căn cứ nhu cầu và khả năng đáp ứng của các bên liên quan.

Hôm nay, ngày 13 tháng 08 năm 2018, tại TP Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A:

NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

Đại diện: Bà Trần Kim Chi

Chức vụ: Giám đốc Khối Vận hành (Theo ủy quyền số: 78D/2016/UQ-OCB ngày 01/12/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông)

Địa chỉ: 41 và 45 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 028 38220960 Fax: 028 38220961

Mã số thuế: 0300852005

BÊN B:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIKING

Đại diện: Ông Nguyễn Tuấn Dũng

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Phòng 1002, tầng 10, tòa nhà Thăng Long, 98 Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (024) 38582 9280

Tài khoản: 16010000102850 Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV, Chi nhánh Sở giao dịch 3

Mã số thuế: 0104877363

Hai bên cùng thống nhất ký kết và thực hiện hợp đồng “Phần mềm giao dịch Nguồn vốn” (Hợp đồng này) với các nội dung sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ KẾT CẤU HỢP ĐỒNG

1.1. Đối tượng của Hợp đồng: Bên A yêu cầu và Bên B đồng ý thực hiện Gói phân tích, thiết kế phần mềm “Giao dịch Nguồn vốn” trên cơ sở phạm vi triển khai được mô tả cụ thể ở Phụ lục 01 của hợp đồng.

1.2. Hợp đồng này bao gồm văn bản hợp đồng này và các phụ lục sau đây:

Phụ lục A: Định nghĩa và giải thích

Phụ lục 01: Phạm vi công việc

Phụ lục 02: Kế hoạch dự án

SK

DNH

Phụ lục 03: Phương pháp luận triển khai
Các Phụ lục là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

ĐIỀU 2. CÁC GIẢ THIẾT

- 2.1. Nguồn lực bên B tham gia các dự án của bên A được thực hiện trong điều kiện các giả thiết của bên B và phạm vi công việc của hợp đồng. Những phát sinh trong hợp đồng của bên A với khách hàng của bên A có thể dẫn đến những thay đổi gây ra sự chậm trễ trong việc thực hiện hợp đồng. Những phát sinh hoặc chậm trễ (nếu có) do những việc phát sinh ngoài giả thiết này sẽ không được tính vào nguyên nhân ảnh hưởng đến tiến độ dự án của bên B.
- 2.2. Phạm vi công việc do bên B thực hiện được mô tả trong phần “Phụ lục 01 - Phạm vi công việc”. Bên B không phải thực hiện các phát sinh ngoài mô tả trên trừ trường hợp có thỏa thuận phát sinh khác bằng văn bản của hai Bên.
- 2.3. Bên A và/hoặc khách hàng bên A chịu trách nhiệm trang bị đầy đủ phương tiện làm việc cho cán bộ của bên B như phòng làm việc, máy tính, hệ thống mạng, máy chủ...
- 2.4. Các phần mềm do bên A và/hoặc khách hàng bên A cung cấp cho cán bộ của bên B làm việc do bên A/khách hàng bên A chịu trách nhiệm về bản quyền. Bên B không chịu trách nhiệm pháp lý nếu bên A hoặc khách hàng bên A cung cấp các phần mềm sử dụng vi phạm bản quyền.

ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

Bên A chịu trách nhiệm thực hiện những công việc dưới đây để phối hợp với bên B hoàn thành các công việc trong phạm vi của hợp đồng. Những công việc này do bên A thực hiện với chi phí của bên A và không được tính lại cho bên B. Bên A đồng ý chịu trách nhiệm các việc sau đây:

- 3.1. Cử người làm quản trị dự án có sự tham gia nguồn lực của bên B. Người này chịu trách nhiệm chính phối hợp với bên B giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công việc của hợp đồng này.
- 3.2. Trong trường hợp Bên A thấy nhân sự của bên B không phù hợp/vi phạm nội dung công việc quy định tại Hợp đồng, Bên A có quyền yêu cầu bên B thay đổi nhân sự đó. Yêu cầu thay đổi nhân sự sẽ được bên A gửi cho bên B trước 05 ngày làm việc.
- 3.3. Phối hợp hoạt động giữa bên B và khách hàng bên A để đảm bảo thông tin thông suốt và phối hợp chặt chẽ giữa các bên trong quá trình triển khai dự án.
- 3.4. Kiểm tra xem xét các tài liệu giải pháp của bên B cung cấp trước khi chuyển giao cho khách hàng của bên A.
- 3.5. Bảo đảm các cơ sở vật chất và hoạt động của khách hàng của bên A sẵn sàng phối hợp với bên B thực hiện hợp đồng tại văn phòng khách hàng của bên A.
- 3.6. Bảo đảm nguồn lực tiếp nhận hệ thống của khách hàng đầy đủ trình độ và kỹ năng để nhận chuyển giao công nghệ từ bên B.
- 3.7. Bảo đảm cung cấp đầy đủ phần cứng, phần mềm cũng như các thiết bị ngoại vi, hạ tầng để bên B tiến hành công việc.
- 3.8. Cung cấp đầy đủ thông tin và vật tư theo yêu cầu hợp lý của bên B để bên B thực hiện hợp đồng.
- 3.9. Kiểm tra kết quả công việc và ký biên bản nghiệm thu.
- 3.10. Thanh toán cho bên B theo đúng điều khoản của hợp đồng.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN B

- 4.1. Thực hiện các công việc được nêu trong phụ lục 01 “Phạm vi công việc” một cách tốt nhất và đúng thời hạn theo yêu cầu của hợp đồng.
- 4.2. Đảm bảo có đầy đủ năng lực, chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện các công việc quy định tại Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm.

- 4.3. Bên B có nghĩa vụ phải thực hiện các biện pháp cần thiết, không loại trừ việc chạy thử phần mềm (test) trước khi thực hiện chính thức, nhằm đảm bảo phần mềm thiết kế phải có sự tương thích, phù hợp với hệ thống hoạt động của Bên A, không làm ảnh hưởng đến hệ thống hoạt động của Bên A.
- 4.4. Bên B có nghĩa vụ cung cấp Danh sách nhân sự tham gia thực hiện công việc cho bên A.
- 4.5. Cán bộ bên B phải báo cáo tiến độ công việc cho quản trị dự án theo quy định của bên A.
- 4.6. Cán bộ bên B phải bảo vệ các bí mật thông tin, tài liệu được các bên chuyển giao trong và sau khi thực hiện Hợp đồng này theo quy định tại phụ lục B của Hợp đồng này.
- 4.7. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về mọi hành vi và các vấn đề phát sinh từ nhân viên của Bên B, đảm bảo an toàn mọi hoạt động, tuân thủ mọi nội quy, quy chế của Bên A trong suốt thời gian triển khai dự án. Đảm bảo việc triển khai dự án không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Bên A và khách hàng bên A.
- 4.8. Các quyền, nghĩa vụ khác quy định tại các điều khoản khác của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Bên B cam kết thời gian thực hiện hợp đồng như sau:

- Bàn giao lần lượt từng tài liệu đặc tả chức năng trong vòng mười (10) tuần kể từ ngày ký hợp đồng và
- Tư vấn giải pháp về mặt chức năng trong quá trình phát triển dự án. Thời gian tư vấn không quá bảy (07) tháng kể từ ngày hai bên ký hợp đồng, trừ khi hai Bên có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 6. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

- 6.1. Những ngày nghỉ trong quá trình thực hiện hợp đồng phát sinh do quy định của nhà nước, quy định nội bộ của bên A, quy định nội bộ của khách hàng bên A không tính vào thời gian thực hiện hợp đồng.
- 6.2. Trong quá trình triển khai hợp đồng, nếu có những ngày nghỉ phát sinh vì những trường hợp bất khả kháng như mất điện, thiên tai, hỏa hoạn... không được tính vào thời gian thực hiện hợp đồng.
- 6.3. Trong quá trình triển khai hợp đồng, nếu có phát sinh do lỗi của bên A hoặc khách hàng của bên A làm cho gián đoạn công việc thực hiện dự án như lỗi phát sinh do hệ thống máy tính, người đại diện của bên A hoặc khách hàng bên A không tham gia các buổi làm việc đã lên lịch trước của bên B thì cũng không được tính vào thời gian thực hiện hợp đồng.
- 6.4. Tiến độ thực hiện hợp đồng được nêu trong phụ lục " Phạm vi công việc" của hợp đồng.

ĐIỀU 7. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, THANH TOÁN VÀ ĐẢM BẢO HỢP ĐỒNG

Giá trị của Hợp đồng này là 1.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một tỷ đồng chẵn.).

Giá trên đã bao gồm các loại thuế và toàn bộ các phí, lệ phí và chi phí có liên quan để Bên B thực hiện công việc. Ngoài giá trị Hợp đồng, Bên A không phải thanh toán cho Bên B hoặc bên thứ ba bất kỳ khoản thuế, phí, lệ phí hoặc khoản tiền nào khác.

- 7.1. Việc thanh toán tổng giá trị của Hợp đồng được thực hiện theo tiến độ như sau:

Đợt 1: Bên A tạm ứng 40% giá trị hợp đồng là 400.000.000 VND (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn.) trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng có hiệu lực và Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị tạm ứng của Bên B, bao gồm:

- Giấy đề nghị tạm ứng;
 - Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, theo quy định tại Hợp đồng này.
- Đợt 2: Bên A thanh toán 40% giá trị hợp đồng là 400.000.000 VND (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn.) trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán của bên B, bao gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán;
- Hóa đơn tài chính hợp lệ có giá trị 80% giá trị Hợp đồng;
- Biên bản bàn giao và nghiệm thu (cho công việc của tuần thứ 6 theo phụ lục 02 + tài liệu phụ lục 03).

Đơn 3: Bên A thanh toán 20% giá trị hợp đồng còn lại là **200.000.000VND** (Bằng chữ: *Hai trăm triệu đồng chẵn.*) trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán của bên B, bao gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán;
- Biên bản bàn giao và nghiệm thu hoàn tất công việc.

Việc thanh toán của Bên A cho Bên B được thực hiện qua chuyển khoản theo thông tin tài khoản như sau:

BÊN B:

Số tài khoản: 16010000102850

Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV, Chi nhánh Sở giao dịch 3

Tên người thụ hưởng: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIKING

Chi tiết tài khoản ngân hàng nếu trên nếu có sự thay đổi. Bên B có trách nhiệm phải thông báo cho Bên A bằng văn bản vào từng thời điểm và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu không thông báo cho Bên A về việc thay đổi tài khoản ngân hàng này.

- 7.2. Nếu Bên A không đồng ý về một phần hoặc toàn bộ giá trị của một hóa đơn do Bên B phát hành thì Bên A sẽ, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hóa đơn, thông báo cho Bên B về số tiền mà Bên A không đồng ý thanh toán và lý do mà Bên A cho rằng mình không có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền đó. Trong vòng 05 ngày làm việc sau khi Bên A gửi thông báo trên, các bên sẽ gặp để trao đổi để xác định số tiền thực tế phải thanh toán. Nếu các bên không thể thỏa thuận được về số tiền thực tế phải thanh toán trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày diễn ra cuộc họp nói trên thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa vấn đề này ra cơ quan giải quyết tranh chấp theo quy định tại Hợp đồng này.
- 7.3. Nếu một hóa đơn hợp lệ do Bên B phát hành không được Bên A thanh toán trong thời hạn mươi lăm (15) ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán theo quy định tại Điều 7.2 thì bên B có quyền tính lãi cho Bên A trên số tiền chậm trả kể từ ngày đến hạn thanh toán cho đến khi thực hiện việc thanh toán với lãi suất theo quy định ở điều 17 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 8. KẾT QUẢ, CHAP THUẬN VÀ NGHIỆM THU

8.1 Các sản phẩm bàn giao của Hợp đồng:

- a. Qui trình nghiệp vụ tổng thể sau khi tin học hóa (Computerized SOP).
- b. Đặc tả yêu cầu người dùng (User Requirement Specification): Màn hình, mô tả fields, qui tắc tính toán và quy tắc quản lý.
- c. Đặc tả kịch bản người dùng (User Case Specification): Màn hình giao dịch, định nghĩa các chức năng trên màn hình, mô tả các quy tắc nghiệp vụ, các công thức số học, quy tắc kiểm tra tính hợp lý của các trường dữ liệu trên màn hình.

8.2 Quy trình chấp thuận:

- a. Sản phẩm bàn giao của hợp đồng (được mô tả ở mục 8.1) sẽ do Khối Công Nghệ, của bên A đại diện nghiệm thu với bên B.
- b. Kết thúc từng giai đoạn trong quá trình triển khai dự án, bên B phải chuyển giao kết quả công việc hoàn thành cho quản trị dự án của bên A xem xét đánh giá. Nếu đạt yêu cầu của quản trị dự án, kết quả công việc sẽ được đánh giá là hoàn thành.
- c. Khi toàn bộ các kết quả bàn giao được nghiệm thu, hai bên sẽ ký biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng. Sau khi bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ, bên A sẽ tiến hành thanh toán cho bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 9. XỬ LÝ CÁC YÊU CẦU THAY ĐỔI HOẶC PHÁT SINH

Trong trường hợp Một Bên có yêu cầu thay đổi hoặc phát sinh so với phạm vi các công việc đã thỏa thuận trong Hợp đồng này thì các yêu cầu này phải được người đại diện có thẩm quyền của Bên đó ký và gửi cho Bên kia bằng văn bản. Việc thay đổi phạm vi các công việc do một Bên đề xuất chỉ được chấp thuận sau khi Bên kia đã xem xét và đồng ý bằng văn bản. Trong trường hợp việc thay đổi phạm vi công việc phát sinh thêm chi phí hoặc giảm chi phí, Bên đó phải thanh toán hoặc giảm các chi phí này theo thỏa thuận phát sinh bằng văn bản có xác nhận đồng ý của hai bên. Các yêu cầu thay đổi hoặc phát sinh sẽ được các bên lập thành Phụ lục và là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

ĐIỀU 10. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

BÊN A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc gửi văn bản thông báo cho Bên B (trước 30 ngày) trong các trường hợp sau:

- 10.1 Bên B vi phạm cơ bản nghĩa vụ, cam kết hoặc đảm bảo theo Hợp đồng mà không khắc phục, không có khả năng khắc phục hoặc (trong trường hợp một vi phạm có khả năng khắc phục) không khắc phục được vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khắc phục bằng văn bản từ Bên A và người đại diện theo pháp luật của hai bên không thống nhất được phương án giải quyết. Trong trường hợp này Bên A phải thanh toán cho Bên B tương ứng với phần công việc mà Bên B đã hoàn thành mà chưa được thanh toán, đồng thời Bên B phải hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ số tiền mà Bên A đã thanh toán trước đó cho Bên B sau khi đã trừ đi số tiền tương ứng với phần công việc mà Bên B đã hoàn thành nhưng chưa được Bên A thanh toán (nếu có).
- 10.2 Bên B lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, tạm dừng hoặc có dấu hiệu tạm dừng hoạt động kinh doanh hoặc ngưng hauled như toàn bộ hoạt động kinh doanh chính, phá sản hoặc giải thể.
- 10.3 Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng theo Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên A sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên B những chi phí cho phần công việc mà Bên B đã thực hiện hoàn tất. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng do mình thực hiện. Bên B sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Bên A nếu phần công việc được cung cấp bởi nhà cung cấp khác không hoạt động tương thích với Chương trình do Bên B cung cấp.
- 10.4 Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí bồi thường nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi mà Bên A được hưởng theo các điều khoản vẫn có giá trị sau khi Hợp đồng đã chấm dứt.

BÊN B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc gửi văn bản thông báo cho Bên A (trước 30 ngày) trong các trường hợp sau:

- 10.5 Nếu bên A vi phạm cơ bản nghĩa vụ của Bên A theo Hợp đồng này mà không khắc phục, không có khả năng khắc phục hoặc (trong trường hợp một vi phạm có khả năng khắc phục) không khắc phục được vi phạm đó trong vòng 30 ngày sau khi nhận được các yêu cầu khắc phục bằng văn bản của Bên B và người đại diện theo pháp luật của hai bên không thống nhất được phương án giải quyết. Trong trường hợp này Bên A phải thanh toán cho Bên B tương ứng với phần công việc mà Bên B đã hoàn thành mà chưa được thanh toán, đồng thời Bên B phải hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ số tiền mà Bên A đã thanh toán trước đó cho Bên B sau khi đã trừ đi số tiền tương ứng với phần công việc mà Bên B đã hoàn thành nhưng chưa được Bên A thanh toán (nếu có).

10.6 Nếu Bên A lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, tạm dừng hoặc có dấu hiệu tạm dừng hoạt động kinh doanh hoặc ngưng hầu như toàn bộ hoạt động kinh doanh chính, phá sản hoặc giải thể thì bên B có quyền chấm dứt hợp đồng mà không phải trả lại phần kinh phí đã nhận của bên A.

ĐIỀU 11. BÁT KHẢ KHÁNG.

- 11.1 Mỗi bên sẽ không có trách nhiệm với bên kia cho sự chậm trễ hoặc không thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này vì bất kỳ lý do gì bị gây ra bởi Sự kiện Bát khả kháng.
- 11.2 Theo Hợp đồng này, Sự kiện Bát khả kháng có nghĩa là các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được hoặc không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm những không hạn chế các sự kiện như thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, động đất, lũ lụt, chiến tranh, nội chiến, khởi nghĩa, bạo loạn, can thiệp của Chính phủ.
- 11.3 Khi xảy ra Sự kiện Bát khả kháng, Bên Bj ảnh hưởng phải nhanh chóng thông báo cho bên kia bằng văn bản về sự kiện đó và nguyên nhân của sự kiện đó trong vòng 5 ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện Bát khả kháng và tiến hành các biện pháp cần thiết để hạn chế tác động bất lợi của sự kiện đó.
- 11.4 Các bên sẽ nỗ lực thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của Sự kiện Bát khả kháng.

ĐIỀU 12. QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ.

- 12.1 Bên A chịu trách nhiệm toàn bộ các vấn đề liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ đối với tài liệu, phần mềm hệ thống, phần mềm công cụ, môi trường vận hành và các phần mềm liên quan khác do Bên A cung cấp.
- 12.2 Bên A được quyền sở hữu bản quyền toàn bộ các kết quả do cán bộ Bên B thực hiện trong phạm vi của hợp đồng này.
- 12.3 Bên B cam kết rằng, việc giải quyết khiếu nại với bên thứ ba liên quan đến cáo buộc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ sẽ không làm ảnh hưởng đến các chương trình bên B tham gia phát triển với bên A.
- 12.4 Bên B cam kết có quyền sở hữu trí tuệ đối với tất cả các sản phẩm/dịch vụ mà Bên B cung cấp cho Bên A theo nội dung Hợp đồng này.
- 12.5 Các bên được miễn trừ trách nhiệm liên quan đến các tranh chấp, khiếu kiện/khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm/dịch vụ của mỗi bên.

ĐIỀU 13. BẢO MẬT VÀ AN NINH.

- 13.1 Mỗi bên sẽ bảo mật trong mọi thời điểm về Thông tin Bảo mật được bên kia tiết lộ cho bên đó và sẽ không sử dụng, tiết lộ hoặc làm tiết lộ, cung cấp hoặc theo cách thức khác cung cấp lại các Thông tin Bảo mật đó cho bất kỳ người nào ngoại trừ người lao động, đại lý được phép, nhà thầu hoặc đại diện của bên đó mà việc tiết lộ là cần thiết cho Mục đích của Hợp đồng này theo các điều kiện không kém chặt chẽ hơn các điều kiện của Hợp đồng này.
- 13.2 Mỗi bên sẽ sử dụng các biện pháp phù hợp (và tiến hành các biện pháp phòng ngừa không kém khắt khe hơn các biện pháp được bên đó sử dụng để bảo vệ các thông tin bảo mật của chính bên đó) để đảm bảo các nhân viên của bên đó sẽ không sử dụng Thông tin Bảo mật theo cách thức không được Hợp đồng này cho phép hoặc tiết lộ Thông tin Bảo mật cho bất kỳ người nào khác mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của bên kia.
- 13.3 Bên A đồng ý tuân thủ các quy trình của Bên B một cách hợp lý để cấp giấy phép bảo mật/an ninh cho bất kỳ nhân viên nào của Bên A là người cần truy cập vào hệ thống máy tính

của Bên B hoặc tài liệu khác cho Mục đích cung cấp các dịch vụ theo quy định của Hợp đồng này.

13.4 Một bên không vi phạm nghĩa vụ của mình nếu thông tin quy định trong những khoản này:

- a. Đã được công chúng biết đến mà không phải do việc vi phạm các khoản này;
- b. Đã đang nằm trong sự chiếm hữu của bên nhận thông tin mà không bị hạn chế gì liên quan đến việc tiết lộ trước khi nhận được thông tin đó từ bên tiết lộ thông tin;
- c. Bị yêu cầu tiết lộ theo quy định của luật; hoặc
- d. Được bên nhận thông tin có được hoặc tạo ra một cách độc lập.

13.5 Các quy định tại điều này sẽ vẫn có hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng này chấm dứt.

ĐIỀU 14. BẢO VỆ DỮ LIỆU

14.1. Bên B hoặc mỗi thành viên của Bên B sẽ coi các dữ liệu của Bên A/khách hàng bên A là Thông tin Bảo mật và Bên B hoặc mỗi thành viên thuộc Bên B sẽ đảm bảo các nhận viên, đại lý và nhà thầu của họ tuân thủ quy định về Thông tin Bảo mật này. Nếu Bên B hoặc mỗi thành viên thuộc Bên B nhận được dữ liệu cá nhân theo Hợp đồng này, Bên B và mỗi thành viên Bên B sẽ chỉ sử dụng thông tin đó cho Mục đích để thực hiện các nghĩa vụ của nó theo Hợp đồng này, và sẽ tuân thủ tất cả các chỉ dẫn hợp lý của Bên A liên quan đến dữ liệu cá nhân đó.

14.2. Bên B hoặc mỗi thành viên thuộc Bên B sẽ thực hiện tất cả các thủ tục thương mại hợp lý về an ninh, kỹ thuật và tổ chức để đảm bảo sự toàn vẹn và bảo mật của các dữ liệu cá nhân đó khi chúng đang nằm trong sự chiếm hữu của bên đó và đảm bảo các dữ liệu cá nhân đó không bị sao chép, tiết lộ, xử lý, xóa, thay đổi, sử dụng hoặc bị sửa chữa theo một cách thức không được phép và để bảo vệ dữ liệu cá nhân đó phù hợp với các chỉ dẫn hợp lý của Bên A.

14.3. Mọi vi phạm hoặc vi phạm tiềm tàng các quy định tại Điều 16 sẽ phải được Bên B hoặc mỗi thành viên thuộc Bên B thông báo ngay lập tức bằng văn bản cho Bên A.

14.4. Các quy định tại điều này sẽ vẫn có hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng này chấm dứt.

ĐIỀU 15. ĐẢM BẢO NGHĨA VỤ HỢP ĐỒNG

Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng

a. Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A Thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng đảm bảo vô điều kiện do Ngân hàng Thương mại có uy tín tại Việt Nam phát hành với giá trị tương đương 10% giá trị Hợp đồng là 100.000.000 VND (bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn). Thời hạn thu bảo lãnh là từ ngày ký hợp đồng cho đến khi các bên hoàn tất nghĩa vụ và ký kết biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

b. Trong trường hợp hết thời hạn bảo lãnh thực hiện Hợp đồng mà Bên B không hoàn thành, hoàn thành không đúng nội dung Dịch vụ thì Bên B có trách nhiệm nộp cho Bên A bảo lãnh được gia hạn hoặc bảo lãnh mới có thời hạn đến khi Bên B hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng.

c. Trường hợp Bên B không nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng quy định tại điểm a, b khoản này mà Bên B vẫn thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền tạm thời chưa tạm ứng/thanh toán cho đến khi Bên B nộp bảo lãnh thực hiện Hợp đồng hoặc giữ lại một khoản tiền tương đương 10% giá trị Hợp đồng để đảm bảo cho nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng của Bên B.

ĐIỀU 16. CAM KẾT VÀ BẢO ĐÁM.

Mỗi bên tuyên bố và đảm bảo với bên kia, và đây là một điều kiện của Hợp đồng này, kể từ Ngày Hiệu lực của Hợp đồng này:

- a. Hợp đồng này tạo thành nghĩa vụ pháp lý có hiệu lực ràng buộc hoặc có thể thi hành phù hợp với các điều khoản của nó theo một quy trình pháp lý phù hợp;
- b. Mỗi Bên có thẩm quyền để ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của bên đó theo Hợp đồng này; và
- c. Hợp đồng này không mâu thuẫn với hoặc dẫn đến một sự vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Điều lệ của các bên hoặc các điều khoản cơ bản của bất kỳ thỏa thuận, lệnh, quyết định, phán quyết, luật nào mà các bên phải thi hành hoặc chịu sự điều chỉnh.

ĐIỀU 17. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG.

- 17.1 Trong trường hợp Bên B vi phạm tiền độ thực hiện do lỗi của mình mà hai Bên không có thỏa thuận nào khác, Bên B sẽ chịu phạt bằng 0,1% giá trị của phần giá trị hợp đồng bị vi phạm tính trên một ngày vi phạm. Tuy nhiên, tổng số tiền phạt vi phạm không được vượt quá 8% tổng giá trị nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm, bồi thường mọi thiệt hại phát sinh (nếu có).
- 17.2 Trong trường hợp Bên A vi phạm tiền độ thanh toán cho bên B mà hai bên không có thỏa thuận nào khác thì bên A sẽ chịu phạt bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm vi phạm cộng thêm 5%/năm, tính trên số ngày trả chậm. Tuy nhiên, tổng số tiền phạt vi phạm không được vượt quá 8% tổng giá trị nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm, bồi thường mọi thiệt hại phát sinh (nếu có).
- 17.3 Trường hợp một trong các Bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào khác quy định tại Hợp đồng này mà hai bên không có thỏa thuận nào khác, thì bên vi phạm sẽ chịu phạt bằng 8% giá trị nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm, bồi thường mọi thiệt hại phát sinh (nếu có).

ĐIỀU 18. LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 18.1 Luật Việt Nam điều chỉnh tất cả các vấn đề của Hợp đồng này.
- 18.2 Bất kỳ một bất đồng, tranh chấp nào phát sinh từ Hợp đồng này mà không thể giải quyết thông qua thương lượng đàm phán sẽ được đưa ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam ("VIAC") bên cạnh Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam theo quy tắc tố tụng của Trung tâm này ("Quy tắc") bởi ba trọng tài viên được chỉ định theo Quy tắc Trọng tài của Trung tâm đó. Trọng tài xét xử bằng tiếng Việt tại Hồ Chí Minh.
- 18.3 Trừ khi rõ ràng bị ngăn cản bởi phạm vi tranh chấp, các bên đồng ý tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ tương ứng của mình theo Hợp đồng này (bao gồm cả thanh toán các khoản phí) trong khi vấn đề tranh chấp đang được giải quyết trừ khi và cho đến khi các nghĩa vụ đó bị chấm dứt hoặc hết hạn theo các điều khoản của Hợp đồng này.
- 18.4 Điều khoản này không ngăn cản một bên vào bất kỳ lúc nào tìm kiếm việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc một biện pháp hạn chế tồn thắt nào đó để bảo vệ quyền lợi của mình.

ĐIỀU 19. THÔNG BÁO.

19.1 Bất kỳ thông báo theo yêu cầu được đưa ra trong Hợp đồng này:

- a. Phải gửi bằng văn bản có ghi rõ địa chỉ của bên nhận tới địa chỉ được ghi dưới đây hoặc địa chỉ theo thông báo mới nhất mà bên nhận gửi tới bên dưới:

Địa chỉ liên lạc của Bên A:

NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Địa chỉ liên lạc của Bên B:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TY VIKING

Địa chỉ: Phòng 1002, tầng 10, tòa nhà Thăng Long, 98 Ngụy Như Kon Tum, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 385829280

- b. Phải được ký bởi một cá nhân được ủy quyền hợp pháp bởi bên gửi; và
- c. Sẽ được coi như là đã được gửi hoặc thực hiện:
 - (i). (Trong trường hợp chuyển bởi một người hoặc bằng đường bưu điện) khi đã chuyển hoặc được nhận tại địa chỉ ở trên; và
 - (ii). (Trong trường hợp gửi fax) khi bên nhận nhận được tín hiệu phản hồi của bên nhận vào lúc cuối của lần gửi.

19.2 Nhưng nếu việc gửi hoặc nhận diễn ra trong một ngày mà không phải là Ngày làm việc hoặc sau 5:30 giờ chiều tại địa điểm nơi nhận, thông báo sẽ được coi như là đã chuyển hoặc đã nhận vào thời điểm bắt đầu làm việc trong Ngày làm việc tiếp theo.

19.3 Trong trường hợp thay đổi địa chỉ liên lạc, các Bên phải thông báo cho Bên còn lại ít nhất trước 03 ngày làm việc.

ĐIỀU 20. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

20.1 Không bên nào được quyền chuyển nhượng, thuê thầu phụ, cấp quyền hoặc chuyển giao quyền và nghĩa vụ của bên đó theo Hợp đồng này mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của bên kia (chấp thuận đó không bị trì hoãn hoặc chậm trễ đưa ra một cách bất hợp lý) trừ khi bên đó có quyền chuyển nhượng những lợi ích từ Hợp đồng này cho mục đích hợp nhất hoặc tổ chức lại của bên đó. Trong trường hợp một bên của Hợp đồng này rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, bất kỳ chuyển nhượng nào cũng chỉ được phép thực hiện sau khi có ý kiến bằng văn bản của bên kia.

20.2 Bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này bị vô hiệu hoặc không thể thực thi theo pháp luật của Việt Nam thì điều khoản đó sẽ được sửa lại sao cho có hiệu lực và có thể thực thi, nếu có thể, hoặc nếu không thể thì chỉ riêng điều khoản đó sẽ không có hiệu lực và/hoặc không thể thực thi và không ảnh hưởng đến các điều khoản còn lại của Hợp đồng này cũng như hiệu lực và khả năng thực thi của chính điều khoản đó theo quy định của pháp luật.

20.3 Các điều khoản của Hợp đồng này (và bất kỳ Phụ lục nào) không bị sửa đổi, bổ sung trừ khi có sự thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

20.4 Hợp đồng này có giá trị ràng buộc đối với cả những người thừa kế và nhận chuyển nhượng hợp pháp của mỗi bên.

20.5 Hợp đồng này kèm theo các Phụ lục được làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau do mỗi bên giữ 02 bản.

20.6 Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các quy định của Hợp đồng này với tài liệu, văn bản liên quan, trao đổi, phụ lục hợp đồng thì các quy định tại Hợp đồng này sẽ được sử dụng.

